

Số: 51/QĐ-CDPT

Phú Thọ, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 (giảm dự toán)

Căn cứ vào quyết định số 4310/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường cao đẳng Cơ điện Phú Thọ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3678/QĐ-BNN-TC ngày 17/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán chi NSNN năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giảm dự toán ngân sách năm 2020 của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tổ chức hành chính, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



HIỆU TRƯỞNG
Ths. Trần Thị Thúy Lan

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ

Chương: 012



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 521^b /QĐ-CDPT ngày 30 / 9 /2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ)

ĐV tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(15.000)
I	Nguồn ngân sách trong nước	(15.000)
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(15.000)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(15.000)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	